

Số: 537/TB-ĐHCNQN

Đông Triều, ngày 26 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO
V/v bổ sung hồ sơ nghĩa vụ quân sự của sinh viên

Thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự thị xã Đông Triều.

Nhằm hoàn thiện hồ sơ nghĩa vụ quân sự của các nam sinh viên và thuận lợi cho việc quản lý, gọi nhập ngũ của các địa phương, tránh trường hợp nam sinh viên được địa phương gọi khám tuyển nhập ngũ khi đang theo học tại trường.

Nhà trường đề nghị phòng Công tác HS-SV phối hợp cùng các khoa, cổ vấn học tập thông báo đến các lớp yêu cầu các nam sinh viên K9, K10, K11 (danh sách kèm theo thông báo này) bổ sung hồ sơ còn thiếu về phòng QT&DVC (tầng 1 nhà B) trước ngày 31/01/2019.

Mọi vướng mắc liên hệ với thầy Vũ Đình Hoan – Phó trưởng phòng QT&DVC, số điện thoại: 090 4466 708.

Nơi nhận:

- GH (02);
- Các khoa đào tạo;
- CT HSSV, QT&DVC;
- BCH quân sự trường;
- Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thế Vĩnh

DANH SÁCH SINH VIÊN K9 PHẢI BỔ SUNG HỒ SƠ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

(Kèm theo Thông báo số: 537/TB-DHCNQN, ngày 26 tháng 11 năm 2018)

STT	MÃ SV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	HỒ SƠ PHẢI BỔ SUNG		GHI CHÚ
						Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS	
1	CQ09DH0072	Nguyễn Văn	Hậu	16/09/1997	Công nghệ Cơ điện mở K9		x	
2	CQ09DH0222	Lê Anh	Tuấn	03/02/1998	Công nghệ Cơ điện mở K9		x	
3	CQ09DH0118	Nguyễn Minh	Tuấn	24/08/1998	Công nghệ Cơ điện mở K9		x	
4	CQ09DH0205	Nguyễn Văn Triệu	Hồ	21/03/1998	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hầm và cầu K9		x	
5	CQ09DH0255	Nguyễn Bá	Nam	21/02/1998	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hầm và cầu K9		x	
6	CQ09DH0320	Nguyễn Đức	Thịnh	13/12/1996	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hầm và cầu K9	x	x	
7	CQ09DH0038	Đỗ Tuấn	Anh	27/02/1998	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K9		x	
8	CQ09DH0039	Trịnh Văn	Bình	05/03/1998	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K9	x	x	NHTT
9	CQ09DH0050	Đỗ Bình	Dương	17/08/1998	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K9		x	
10	CQ09DH0044	Phan Huy	Hoàng	17/05/1997	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K9	x	x	
11	CQ09DH0274	Nguyễn Trọng	Sơn	25/04/1998	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ô tô K9	x	x	
12	CQ09DH0290	Đỗ Trung	Dũng	21/11/1995	Công nghệ kỹ thuật Điện tử(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
13	CQ09DH0075	Đỗ Bá	Hoàng	10/07/1998	Công nghệ kỹ thuật Điện tử(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	NHTT
14	CQ09DH0083	Nguyễn Việt	Hưng	19/02/1998	Công nghệ kỹ thuật Điện tử(theo hướng công nghiệp) K9	x		NHTT
15	CQ09DH0132	Trần Duy	Khanh	23/06/1998	Công nghệ kỹ thuật Điện tử(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
16	CQ09DH0052	Hoàng Đức	Anh	17/06/1998	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
18	CQ09DH0272	Trần Việt	Hoàng	26/09/1998	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
20	CQ09DH0250	Vũ Đức	Lâm	12/07/1997	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K9	x		
21	CQ09DH0099	Đào Hải	Ninh	25/09/1998	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
24	CQ09DH0127	Ngô Hữu	Thắng	15/08/1997	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
25	CQ09DH0235	Nguyễn Quốc	Anh	27/01/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9		x	
27	CQ09DH0007	Trần Tiến	Đạt	08/08/1997	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
28	CQ09DH0013	Hoàng Mạnh	Hùng	09/07/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9		x	
29	CQ09DH0015	Phạm Ngọc	Huy	25/07/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	NHTT
30	CQ09DH0016	Bùi Thanh	Long	27/12/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x		
31	CQ09DH0027	Dương Văn	Tĩnh	16/03/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9		x	
32	CQ07DH0201	Hoàng Trọng	Tú	18/05/1996	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	

STT	MÃ SV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	HỒ SƠ PHẢI BỔ SUNG		GHI CHÚ
					Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS	
33	CQ09DH0003	Nguyễn Anh Tú	17/10/1997	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	TNH
34	CQ07DH0053	Trần Vũ Tuấn	26/07/1995	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
35	CQ09DH0029	Nguyễn Thanh Tùng	04/11/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K9	x	x	
36	CQ09DH0156	Đổng Huy Hoàng	09/12/1998	Kế toán tổng hợp K9	x	x	
37	CQ09DH0294	Nguyễn Dương Thanh Tùng	06/03/1994	Kế toán tổng hợp K9	x	x	NHTT
39	CQ09DH0208	Nguyễn Mạnh Cường	01/04/1998	Kỹ thuật mở Lộ thiên K9	x	x	
40	CQ09DH0138	Nguyễn Trung Hiếu	27/06/1998	Mạng máy tính K9		x	TNH
41	CQ09DH0260	Nguyễn Đức Huy	25/12/1998	Mạng máy tính K9	x	x	
42	CQ09DH0141	Nguyễn Duy Khánh	11/04/1998	Mạng máy tính K9	x	x	
43	CQ09DH0080	Phạm Duy Hùng	26/04/1996	Quản trị kinh doanh tổng hợp K9	x		
44	CQ09DH0286	Trần Hữu Quang	10/04/1997	Quản trị kinh doanh tổng hợp K9	x	x	

Ghi chú:

- CNĐKNVQS : Chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự
- DCNVQS : Di chuyển nghĩa vụ quân sự (hoặc giấy xác nhận đăng ký vắng mặt nghĩa vụ quân sự)
- TNH : Tạm ngừng học
- NHTT : Nghỉ học tạm thời

DANH SÁCH SINH VIÊN K10 PHẢI BỔ SUNG HỒ SƠ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
(Kèm theo Thông báo số: 537/TB-DHCNQN, ngày 26 tháng 11 năm 2018)

STT	MÃ SV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	Hồ sơ phải bổ sung		GHI CHÚ
						Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS	
1	CQ10DH0008	Nguyễn Hoàng	Thái	11/04/1999	Công nghệ cơ điện K10	x	x	
2	CQ10DH0013	Nguyễn Ngọc	Đức	27/06/1999	Công nghệ Cơ điện mô K10		x	
3	CQ09DH0001	Vũ Minh	Đức	26/10/1998	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hầm và cầu K10	x	x	
4	CQ10DH0023	Nguyễn Xuân Tiến	Anh	10/04/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x		TNH
5	CQ10DH0151	Vũ Văn	Bính	29/02/1996	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
6	CQ10DH0027	Lưu Tùng	Dương	01/12/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
7	CQ10DH0029	Nguyễn Tiến	Đạt	13/02/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x		
8	CQ10DH0160	Nguyễn Trường	Giang	20/08/1998	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
9	CQ10DH0155	Phạm Huy	Hùng	30/08/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
10	CQ10DH0152	Trần Phi	Hùng	18/12/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
11	CQ10DH0036	Hà Văn	Huy	13/10/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
12	CQ10DH0148	Nguyễn Văn	Quang	19/07/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
13	CQ10DH0033	Trần Minh	Sơn	09/08/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
14	CQ10DH0069	Trần Trung	Sơn	17/06/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
15	CQ10DH0043	Đỗ Hoàng Cao	Thái	29/09/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10		x	
16	CQ10DH0024	Vũ Quốc	Việt	13/10/1999	Công nghệ kỹ thuật điện(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	NHTT
17	CQ10DH0149	Phạm Nhật	Anh	05/03/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x		
18	CQ10DH0159	Nguyễn Quốc	Bính	28/09/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
19	CQ10DH0083	Dương Đức	Chung	03/10/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10		x	
20	CQ10DH0088	Trương Văn	Hạnh	24/01/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10		x	
21	CQ10DH0078	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/02/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10		x	
22	CQ10DH0168	Trần Đức	Khoái	17/01/1998	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
23	CQ10DH0091	Đỗ Trung	Kiên	17/09/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10		x	
24	CQ10DH0165	Nguyễn Hợp	Long	13/09/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x		
25	CQ10DH0089	Nguyễn Văn	Thắng	12/10/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	NHTT

STT	MÃ SV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	Hồ sơ phải bổ sung		GHI CHÚ
						Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS	
26	CQ10DH0082	Vũ Hữu	Thình	10/09/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x		
27	CQ10DH0074	Trần Trung	Toàn	30/07/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
28	CQ10DH0054	Bùi Thanh	Tuấn	25/04/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10		x	
29	CQ10DH0047	Trần Anh	Tuấn	14/12/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa(theo hướng công nghiệp) K10	x	x	
30	CQ10DH0158	Nguyễn Công	Huy	29/07/1999	Công nghệ phần mềm K10	x	x	
31	CQ10DH0056	Vương Ngọc	Tú	24/08/1999	Công nghệ phần mềm K10		x	
32	CQ10DH0061	Hoàng Gia	Cương	19/10/1999	Kế toán tổng hợp K10	x		
33	CQ10DH0103	Nguyễn Hải	Hậu	17/12/1999	Kế toán tổng hợp K10	x	x	
34	CQ10DH0065	Trần Đức	Mạnh	20/09/1999	Kế toán tổng hợp K10		x	NHTT
35	CQ10DH0104	Bùi Doãn	Toàn	01/11/1999	Kế toán tổng hợp K10	x		
36	CQ10DH0066	Nguyễn Duy	Khanh	04/05/1999	Kỹ thuật mô Hầm lò K10	x	x	
37	CQ10DH0097	Bùi Minh	Đức	21/01/1997	Quản trị kinh doanh tổng hợp K10	x	x	
38	CQ10DH0072	Vũ Trọng	Đức	01/02/1999	Quản trị kinh doanh tổng hợp K10	x		
39	CQ10DH0130	Vũ Xuân	Giang	07/02/1999	Quản trị kinh doanh tổng hợp K10	x	x	NHTT
40	CQ10DH0124	Nguyễn Đỗ Đức	Nghĩa	05/09/1999	Quản trị kinh doanh tổng hợp K10	x	x	
41	CQ10DH0166	Lê Nghĩa	Thắng	07/06/1999	Quản trị kinh doanh tổng hợp K10	x	x	NHTT
42	CQ10DH0133	Phạm Huy	Hoàng	13/10/1998	Tài chính doanh nghiệp K10		x	
43	CQ10DH0132	Ngô Thanh	Tùng	15/12/1999	Tài chính doanh nghiệp K10	x	x	

Ghi chú:

- CNĐKNVQS : Chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự
- DCNVQS : Di chuyển nghĩa vụ quân sự (hoặc giấy xác nhận đăng ký vắng mặt nghĩa vụ quân sự)
- TNH : Tạm ngừng học
- NHTT : Nghỉ học tạm thời

DANH SÁCH SINH VIÊN K11 PHẢI BỔ SUNG HỒ SƠ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

(Kèm theo Thông báo số: 537/TB - ĐHCNQN, ngày 26 tháng 11 năm 2018)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Hồ sơ phải bổ sung	
						Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS
1	CQ11DH0092	Tạ Quân	Hải	15/02/1981	Kế toán tổng hợp K11	X	X
2	CQ11DH0123	Đỗ Xuân	Hiếu	10/09/1999	Kế toán tổng hợp K11	X	X
3	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng	Lương	10/09/1989	Kế toán tổng hợp K11	X	X
4	CQ11DH0007	Cao Chí	Thành	07/02/2000	Kế toán tổng hợp K11	X	
5	CQ11DH0027	Vũ Văn	Duyệt	08/11/1994	Tài chính doanh nghiệp K11	X	
6	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng	Đạt	19/02/2000	Tài chính doanh nghiệp K11		X
7	CQ11DH0104	Đinh Trung	Hiếu	19/01/2000	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11	X	X
8	CQ11DH0047	Bùi Thanh	Hợp	09/02/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11		X
9	CQ11DH0048	Bùi Xuân	Linh	11/09/2000	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11		X
10	CQ11DH0051	Hoàng Anh	Quân	03/11/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11		X
11	CQ11DH0043	Bùi Mạnh	Tuân	10/09/1999	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11		X
12	CQ11DH0111	Nguyễn Mạnh	Tùng	04/04/2000	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11	X	X
13	CQ11DH0049	Nguyễn Chiến	Thắng	25/01/2000	Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa K11		X
14	CQ11DH0034	Ngô Việt	Hải	18/11/2000	Công nghệ Phần mềm K11		X
15	CQ11DH0134	Đỗ Văn	Phong	02/13/2000	Công nghệ Phần mềm K11	X	X
16	CQ11DH0080	Lưu Công	Đại	12/01/1983	Kỹ thuật mô Hầm lò K11	X	x
17	CQ11DH0082	Lê Văn	Quý	13/04/1993	Kỹ thuật mô Hầm lò K11	X	x
18	CQ11DH0081	Nguyễn Bá	Thức	29/02/1992	Kỹ thuật mô Hầm lò K11	X	x
19	CQ11DH0031	Trần Anh	Khoa	18/08/2000	Kỹ thuật Tuyển Khoáng K11	X	
20	CQ11DH0029	Đỗ Minh	Tuấn	09/12/2000	Kỹ thuật Tuyển Khoáng K11		X
21	CQ11DH0108	Nguyễn Mạnh	Hùng	04/11/2000	Công nghệ Điện lạnh K11		X
22	CQ11DH0132	Vũ Tuấn	Anh	10/24/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11	X	
23	CQ11DH0074	Nguyễn Công	Chiến	28/08/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11		X
24	CQ11DH0079	Lê Minh	Đức	11/08/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11	X	
25	CQ11DH0069	Dương Mạnh	Hà	05/08/1997	Công nghệ kỹ thuật điện K11	X	X
26	CQ11DH0133	Lê Trung	Hiếu	12/18/1996	Công nghệ kỹ thuật điện K11	X	X
27	CQ11DH0089	Trần Hoàng	Long	06/09/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11		X
28	CQ11DH0110	Trần Đức	Nam	03/12/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11		X

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Hồ sơ phải bổ sung	
						Giấy chứng nhận đăng ký NVQS	Xác nhận vắng mặt NVQS hoặc Di chuyển NVQS
29	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc	Quyên	17/06/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11		X
30	CQ11DH0068	Trần Cao	Thắng	06/04/2000	Công nghệ kỹ thuật điện K11	X	X
31	CQ11DH0042	Vũ Xuân	Bang	10/11/2000	Tự động hóa thiết kế công nghệ cơ khí K11		X
32	CQ11DH0124	Nguyễn Trọng	Linh	22/07/2000	Tự động hóa thiết kế công nghệ cơ khí K11	X	X
33	CQ11DH0039	Nguyễn Văn	Mạnh	13/09/2000	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí ô tô K11	X	